

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

Số: 5 8 7 2/QĐ-DKVN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định về tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định tham gia Dự án Dầu khí”

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm Chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 07/2018/NĐ-CP ngày 10/01/2018 của Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Luật Dầu khí 12/2022/QH15 ngày 14/11/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí;

Căn cứ Quy chế quản trị của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 5377/QĐ-DKVN ngày 27/07/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-DKVN ngày 03/01/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Hội đồng thành viên PVN phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị thành viên Tập đoàn;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-DKVN ngày 08/03/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Ủy quyền ký ban hành Văn bản của Hội đồng thành viên PVN;

Căn cứ Quy chế quản lý Dự án Dầu khí trong nước ban hành kèm theo Quyết định số 2425/QĐ-DKVN ngày 10/04/2024 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Công văn số 96/CVNB-LNS ngày 28/12/2023, Công văn số 49/CVNB-LNS ngày 23/05/2024, kèm theo Báo cáo thẩm định số 18/2024/PCTTr ngày 04/1/2024 của Ban Pháp chế Thanh tra, Công văn số 526/TKTD-24 ngày 24/06/2024 và Công văn số 645/TKTD-24 ngày 22/07/2024 của Ban Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định tham gia Dự án Dầu khí”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế “Quy định về tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định đầu tư dự án tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí” ban hành kèm theo Quyết định số 4028/QĐ-DKVN ngày 12/05/2010 của Hội đồng Quản trị PVN và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 4028/QĐ-DKVN ngày 12/5/2010 ban hành kèm theo Quyết định số 7069/QĐ-DKVN ngày 02/10/2013 của Hội đồng Thành viên PVN.

Điều 3. Tổng Giám đốc, Chánh Văn phòng/Trưởng các Ban có liên quan của PVN, Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, Tổng Giám đốc Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro và Giám đốc chi nhánh/Tổng Giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (e-copy);
- Chủ tịch HĐTV PVN (e-copy, đê b/c);
- Các TV HĐTV PVN (e-copy);
- TGĐ PVN (e-copy);
- Các PTGĐ PVN (e-copy);
- Ban Kiểm soát PVN;
- Các Đơn vị: PVEP, BĐPOC, PQPOC, VSP;
- Lưu: VT, HĐTV (b).



**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TUQ. CHỦ TỊCH
THÀNH VIÊN**



Trần Bình Minh



QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH THAM GIA DỰ ÁN DẦU KHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 587/QĐ-DKVN ngày 15/8/2024
của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định về tiêu chí đánh giá, thẩm định và quyết định tham gia Dự án Dầu khí (Quy định) được ban hành nhằm quy định các tiêu chí đánh giá, thẩm định Dự án Dầu khí làm cơ sở quản lý và quyết định tham gia Dự án Dầu khí ở trong nước và ở nước ngoài của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Công ty có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí và Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng để thẩm định Dự án Dầu khí trong nước và nước ngoài, bao gồm:

- Dự án Tìm kiếm thăm dò dầu khí (sau đây gọi tắt là Dự án TKTDDK);
- Dự án Phát triển mỏ dầu khí (sau đây gọi tắt là Dự án PTMDK);
- Dự án Thăm dò dầu khí bổ sung (sau đây gọi tắt là Dự án TDDKBS).

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

- PVN;
- Người đại diện phần vốn của PVN tại Công ty có vốn góp của PVN hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí;
- Tổng Giám đốc Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro;
- Giám đốc Chi nhánh/Tổng Giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

- Dịch vụ dầu khí: là các dịch vụ thương mại, kỹ thuật, công nghệ phục vụ cho hoạt động dầu khí.
- Cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động dầu khí: là các công trình, trang thiết bị được cung cấp hoặc phục vụ cho việc cung cấp các dịch vụ dầu khí; các cơ sở hạ tầng phục vụ việc vận chuyển, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị và khai thác dầu khí, bao gồm nhưng không giới hạn cảng biển, đường ống dẫn dầu, đường ống dẫn khí hoặc các nhà máy chế biến dầu khí.
- Dự án Dầu khí: là dự án ở trong nước và nước ngoài được hình thành để thực hiện các hoạt động dầu khí, bao gồm: tìm kiếm thăm dò thẩm lượng dầu khí, chuẩn bị phát triển mỏ dầu khí, phát triển mỏ dầu khí, vận hành khai thác dầu khí. Dự án dầu

khí có thể là một dự án độc lập hoặc là tập hợp của nhiều dự án thành phần thực hiện các hoạt động dầu khí tiếp nối nhau và có liên hệ chặt chẽ với nhau.

4. Dự án Tìm kiếm thăm dò dầu khí: là dự án được hình thành để thực hiện hoạt động tìm kiếm thăm dò và thẩm lượng nhằm đánh giá tiềm năng dầu khí, tìm kiếm các tích tụ dầu khí, xác định quy mô và tính chất của các phát hiện.
5. Dự án Thăm dò dầu khí bổ sung: là dự án được hình thành để thực hiện các hoạt động thăm dò, thẩm lượng dầu khí trong giai đoạn phát triển khai thác.
6. Dự án Phát triển mỏ dầu khí: là dự án được hình thành để thực hiện hoạt động chuẩn bị phát triển mỏ dầu khí, hoạt động phát triển mỏ dầu khí, hoạt động khai thác dầu khí và hoạt động thu dọn công trình dầu khí nhằm phát triển và đưa vào khai thác các mỏ dầu khí đã được khẳng định tính thương mại.
7. Hoạt động tìm kiếm dầu khí: là hoạt động nhằm tìm kiếm sự có mặt của các tích tụ dầu khí, tìm kiếm dầu khí trong các đối tượng dầu khí mới hoặc chưa có thông tin. Hoạt động tìm kiếm dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: nghiên cứu, khảo sát địa chất-địa vật lý, khoan tìm kiếm.
8. Hoạt động thăm dò dầu khí: là bước tiếp theo của hoạt động tìm kiếm dầu khí, được thực hiện nhằm thăm dò các tích tụ dầu khí trong các đối tượng dầu khí hoặc cấu tạo ở khu vực địa chất tương tự đã được xác minh. Hoạt động thăm dò dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: nghiên cứu, khảo sát địa chất-địa vật lý chi tiết, khảo sát mô hình địa chất, khoan thăm dò, thử vỉa.
9. Hoạt động thẩm lượng dầu khí: là bước tiếp theo của hoạt động thăm dò dầu khí, được thực hiện nhằm thẩm lượng phạm vi phân bố, trữ lượng của phát hiện dầu khí, xác định các đặc tính về chất lưu của vỉa chứa liên quan và trạng thái biến đổi của chúng có thể xảy ra khi được khai thác. Hoạt động thẩm lượng dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: thu nổ, xử lý, minh giải địa chấn 3D, mô hình địa chất, mô hình công nghệ mỏ, khoan thẩm lượng, thử vỉa, lấy mẫu trong giếng khoan.
10. Hoạt động chuẩn bị phát triển mỏ dầu khí: là hoạt động được tiến hành ngay sau khi kế hoạch thẩm lượng được hoàn thành, kết quả nghiên cứu và đánh giá cho thấy phát hiện dầu khí có tính thương mại, Nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành các bước cho việc hình thành Dự án PTMDK, bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: thực hiện các nghiên cứu, khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng các phương án phát triển mỏ dầu khí, phân tích và lựa chọn phương án phát triển tối ưu (ODP), thực hiện nghiên cứu Thiết kế chi tiết dầu vào (FEED), hoàn thành Phương án phát triển mỏ (FDP) và nhận được phê duyệt của Cấp có thẩm quyền.
11. Hoạt động phát triển mỏ dầu khí: là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích phát triển các mỏ dầu khí trong diện tích phát triển của Hợp đồng dầu khí. Hoạt động phát triển mỏ dầu khí bao gồm nhưng không giới hạn các hoạt động chính như: nghiên cứu và khảo sát địa chất và địa vật lý mỏ dầu khí; khoan, thử vỉa, hoàn thiện giếng,

Catt

2 | 13

N



khoan lại và tái hoàn thiện các giếng; lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng, vận chuyển và lắp đặt các công trình dầu khí và các hoạt động liên quan cần thiết để khai thác, xử lý, vận chuyển, tàng trữ, giao nhận dầu khí và các hoạt động khác cần thiết cho việc phát triển tích tụ dầu khí một cách an toàn và hiệu quả.

12. Hoạt động vận hành khai thác mỏ dầu khí: là hoạt động được tiến hành nhằm mục đích khai thác mỏ dầu khí trong diện tích Hợp đồng dầu khí, bao gồm: vận hành và bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị cần thiết; lập lịch trình, điều khiển, đo lường, thử vỉa và gọi dòng; thu gom, xử lý, tàng trữ và vận chuyển dầu thô, khí đồng hành và khí thiên nhiên từ bể chứa dầu khí đến điểm giao nhận.
13. Hoạt động thu dọn công trình dầu khí: là hoạt động được tiến hành nhằm thu dọn/hủy giếng khoan, thu dọn các công trình cố định, công trình ngầm, thiết bị, phương tiện đã phục vụ hoạt động khai thác mỏ dầu khí
14. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm không được định nghĩa tại Quy định này sẽ được giải nghĩa theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, quy định pháp luật và quy định nội bộ khác có liên quan.

CHƯƠNG II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN DẦU KHÍ

Điều 5. Tiêu chí chung

Nhà đầu tư/chủ thể được Nhà đầu tư giao thực hiện việc lập Báo cáo sử dụng vốn (đối với Dự án Dầu khí trong nước) hoặc Báo cáo Dự án Dầu khí đầu tư ra nước ngoài (đối với Dự án Dầu khí ở nước ngoài) trình cấp thẩm quyền xem xét thông qua/chấp thuận/phê duyệt/quyết định đối với các Dự án dầu khí đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều này. Việc đánh giá, thẩm định Báo cáo sử dụng vốn/Báo cáo Dự án Dầu khí đầu tư ra nước ngoài (ngoại trừ các Dự án Dầu khí được gánh vốn toàn bộ và không phải hoàn trả chi phí được gánh vốn) căn cứ các tiêu chí dưới đây:

1. Phù hợp với Chiến lược/Quy hoạch và Kế hoạch đã được phê duyệt.
2. Về môi trường đầu tư: Dự án nằm trong khu vực, quốc gia, vùng lãnh thổ, địa điểm có điều kiện an ninh, chính trị, xã hội, kinh tế cho phép triển khai dự án.
3. Về kỹ thuật:
 - a) Dự án TKTDDK: nằm trong khu vực có bể trầm tích, có tiềm năng cho công tác thăm dò khai thác dầu khí.
 - b) Dự án PTMDK: (i) Phát hiện dầu khí có khả năng phát triển với điều kiện kỹ thuật, công nghệ hiện có; (ii) Mỏ đang khai thác an toàn, hiệu quả, dự báo khai thác tiếp theo khả thi.
 - c) Dự án TDDKBS: Có tiềm năng cho công tác thăm dò và khả năng tận dụng và/hoặc kết nối với cơ sở hạ tầng/thiết bị khai thác hiện hữu để phát triển.

[Signature]



4. Tính khả thi của phương án triển khai: Dự án được triển khai trong khu vực đã có Cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động dầu khí hoặc có điều kiện triển khai các hoạt động dầu khí bao gồm thu nổ địa chấn, khoan, xây dựng hạ tầng phục vụ khai thác, xuất bán sản phẩm.

Điều 6. Tiêu chí xem xét theo loại hình Dự án

1. Dự án Tìm kiếm thăm dò dầu khí

1.1. Dự án trong nước: Dự án TKTDDK phải phù hợp với chiến lược phát triển của PVN và đạt các tiêu chí sau:

a) Về kỹ thuật:

- (i) Dự án chỉ có Hoạt động tìm kiếm dầu khí: đáp ứng các tiêu chí về mặt kỹ thuật như đã nêu tại Điều 5 của Quy định này.
- (ii) Dự án có Hoạt động thăm dò dầu khí (chưa có Hoạt động thẩm lượng dầu khí):
 - + Dự án nằm trong khu vực bề mặt tích đã có tài liệu địa chất lượng tương đối tốt, đã có giếng khoan, sự tồn tại hệ thống dầu khí đã được xác định, có thể tồn tại các cấu tạo tiềm năng chứa dầu khí;
 - + Có ý tưởng phát triển - khai thác với tính thực tế ở giai đoạn tiếp theo;
- (iii) Dự án có Hoạt động thẩm lượng dầu khí:
 - + Phát hiện cho thấy có khả năng thương mại;
 - + Có kế hoạch thẩm lượng rõ ràng và ý tưởng sơ bộ phát triển khai thác khả thi.

b) Về điều hành – triển khai:

- (i) Trong trường hợp Nhà đầu tư là Người điều hành: cần phải có phương án triển khai và huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự) khả thi;
- (ii) Nhà đầu tư tham gia vào tổ hợp điều hành chung hoặc không điều hành: cần phải có đánh giá năng lực của Người điều hành. Người điều hành phải có kinh nghiệm tại 1-2 dự án tương tự.

c) Về pháp lý hợp đồng:

- (i) Có đủ cơ sở pháp lý để triển khai hoạt động dầu khí;
- (ii) Trách nhiệm và nghĩa vụ các bên được xác định rõ ràng;
- (iii) Các vấn đề còn tồn đọng/chưa rõ ràng: phải có đề xuất phương án giải quyết tiếp theo.

d) Về kinh tế:

- (i) Tính hợp lý của chi phí: phải có cơ sở / tham khảo lập dự toán chi phí; có thông tin của 1-2 dự án tương tự, số liệu không quá 5 năm tính đến thời điểm tham khảo. Trong trường hợp đặc biệt không đủ thông tin theo yêu cầu trên, cần có số liệu tương tự và phân tích, biện luận về cơ sở lập dự toán;

- (ii) Cấp độ chi tiết của dự toán: đơn giá của các hạng mục đầu tư / chi phí phù hợp với phương án triển khai.
- e) Về Phương án tài chính: có nguồn vốn phù hợp với kế hoạch triển khai Dự án.

1.2. Dự án ở nước ngoài

a) Về kỹ thuật:

- (i) Dự án chỉ có Hoạt động tìm kiếm dầu khí
- + Không khuyến khích và chỉ được xem xét tham gia trong các trường hợp đặc biệt với mức độ thận trọng, tiết kiệm;
 - + Chỉ thực hiện đối với dự án tại khu vực bể trầm tích có tiềm năng dầu khí trên diện rộng có thể có chứa nhiều cấu tạo dầu khí và có tỷ lệ tham gia không quá 50%, hoặc tỷ lệ khác cao hơn 50% do Hội đồng Thành viên (HĐTV) PVN quyết định;
 - + Dự án tại các khu vực khác (nghĩa là rủi ro cao hơn) do các công ty dầu khí đa quốc gia có uy tín trên thế giới là Người điều hành với tỷ lệ tham gia tối 5%, hoặc tỷ lệ khác do HĐTV PVN quyết định;
 - + Hệ số thành công địa chất (POS) tối thiểu 10%;
 - + Các rủi ro của dự án có thể gặp phải cần được phân tích, đánh giá rõ ràng;
 - + Có các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, khả thi.
- (ii) Dự án có Hoạt động thăm dò dầu khí (chưa có Hoạt động thăm lượng dầu khí):
- + Tham gia với mức độ thận trọng;
 - + Tỷ lệ tham gia tối đa 50%, hoặc tỷ lệ khác cao hơn 50% do HĐTV PVN quyết định;
 - + Hệ số thành công địa chất (POS) tối thiểu 15%;
 - + Nếu khu vực trước đây đã tiến hành khoan thăm dò, phải phân tích được nguyên nhân thất bại và chỉ ra quan điểm thăm dò mới;
 - + Có ý tưởng quan điểm phát triển – khai thác với tính thực tế ở giai đoạn tiếp theo;
 - + Quy mô tiềm năng trữ lượng phải được thuyết trình hợp lý và khả năng phát triển hiệu quả nếu có phát hiện.
- (iii) Dự án có Hoạt động thăm lượng dầu khí:
- + Phát hiện cho thấy có khả năng thương mại;
 - + Hệ số thành công địa chất (POS) tối thiểu 50%;
 - + Có kế hoạch thăm lượng rõ ràng và ý tưởng sơ bộ phát triển khai thác khả thi.

b) Về điều hành – triển khai:

- (i) Trường hợp Nhà đầu tư là Người điều hành: phải có phương án tự triển khai và huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự) khả thi;
- (ii) Trường hợp tham gia vào tổ hợp điều hành chung hoặc không điều hành: trong trường hợp Người điều hành không phải là các công ty dầu khí đa quốc gia có uy tín trên thế giới cần phải có đánh giá năng lực của Người điều hành. Người điều hành phải có kinh nghiệm tại 1-2 dự án tương tự;
- (iii) Thiết bị thi công (tàu địa chấn, giàn khoan, các dịch vụ đi kèm): có khả năng huy động phù hợp với khối lượng công việc và tiến độ triển khai;
- (iv) Công nghệ khả thi và đã được chứng minh, trang thiết bị sử dụng đáp ứng được yêu cầu tìm kiếm thăm dò - phát triển mỏ dầu khí.

c) Về pháp lý hợp đồng:

- (i) Có đủ cơ sở pháp lý để triển khai hoạt động dầu khí;
- (ii) Trách nhiệm và nghĩa vụ các bên được xác định rõ ràng;
- (iii) Các vấn đề còn tồn đọng/chưa rõ ràng: phải có đề xuất phương án giải quyết tiếp theo.

d) Về kinh tế:

- (i) Tính hợp lý của chi phí: có cơ sở/tham khảo lập dự toán chi phí; có thông tin của 1-2 dự án tương tự, số liệu không quá 5 năm tính đến thời điểm tham khảo. Trong trường hợp đặc biệt không đủ thông tin theo yêu cầu trên, cần có số liệu tương tự và phân tích, biện luận về cơ sở lập dự toán;
- (ii) Cấp độ chi tiết của dự toán: đơn giá của các hạng mục đầu tư / chi phí phù hợp với phương án triển khai;
- (iii) Chứng minh/biện luận được về thị trường và giá tiêu thụ sản phẩm dầu khí;
- (iv) Chi phí rủi ro của dự án không quá:
 - + 20 triệu USD/dự án với dự án chỉ có hoạt động tìm kiếm dầu khí;
 - + 40 triệu USD/dự án với dự án có hoạt động thăm dò (chưa có hoạt động thăm lượng);
 - + Những trường hợp đặc biệt do HĐTV PVN quyết định.

e) Về Phương án tài chính: có nguồn vốn phù hợp để thực hiện dự án.

2. Dự án Thăm dò dầu khí bổ sung

a) Về kỹ thuật:

- (i) Đối tượng thăm dò mở rộng và tận thăm dò được đánh giá có tiềm năng.
- (ii) Hệ số thành công địa chất (POS) tối thiểu 15%.



(iii) Có kế hoạch thẩm lượng và ý tưởng phát triển khai thác rõ ràng - khả thi nếu thăm dò thành công.

b) Về điều hành – triển khai:

(i) Trường hợp Nhà đầu tư là Người điều hành: có phương án tự triển khai và huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự) khả thi.

(ii) Trường hợp tham gia vào tổ hợp điều hành chung hoặc không điều hành: trong trường hợp Người điều hành không phải là các công ty dầu khí đa quốc gia có uy tín trên thế giới cần phải có đánh giá năng lực của Người điều hành. Người điều hành phải có kinh nghiệm tại 1-2 dự án tương tự.

(iii) Có phương án triển khai khả thi, trong đó xác định rõ khối lượng công việc, tiến độ thực hiện và khả năng huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự).

(iv) Công nghệ khả thi và đã được chứng minh, trang thiết bị sử dụng đáp ứng được yêu cầu thăm dò - phát triển khai thác.

(v) Thiết bị thi công (giàn khoan, các dịch vụ đi kèm...): có khả năng huy động phù hợp với khối lượng công việc và tiến độ triển khai.

c) Về pháp lý hợp đồng:

(i) Có đủ cơ sở pháp lý để triển khai hoạt động dầu khí.

(ii) Trách nhiệm và nghĩa vụ các bên được xác định rõ ràng.

(iii) Các vấn đề còn tồn đọng/chưa rõ ràng: có đề xuất phương án giải quyết tiếp theo.

d) Về kinh tế:

(i) Tính hợp lý của chi phí: phải có cơ sở/tham khảo lập dự toán chi phí; có thông tin của 1-2 dự án tương tự, số liệu không quá 5 năm tính đến thời điểm tham khảo. Trong trường hợp đặc biệt không đủ thông tin theo yêu cầu trên, cần có số liệu tương tự và phân tích, biện luận về cơ sở lập dự toán.

(ii) Cấp độ chi tiết của dự toán: đơn giá của các hạng mục đầu tư/chi phí phù hợp với phương án triển khai.

(iii) Dự báo về thị trường và giá tiêu thụ sản phẩm dầu/khí (Mục 1 và 2 của Phụ lục đính kèm).

e) Về Phương án tài chính: có nguồn vốn phù hợp để triển khai dự án.

3. Dự án Phát triển mỏ dầu khí

a) Về kỹ thuật:

(i) Đối với trường hợp dự án thành phần để thực hiện hoạt động chuẩn bị phát triển hoặc phát triển mỏ dầu khí:

- + Tỷ lệ dầu khí tại chỗ mức 1P/2P: Trường hợp phát triển sớm (EDP): tỷ lệ dầu khí tại chỗ đưa vào phát triển mức 1P/2P có giá trị $\geq 40\%$;
 - + Có phương án phát triển cơ sở (base case) và các phương án dự phòng rõ ràng và khả thi.
- (ii) Đối với trường hợp dự án thành phần để thực hiện hoạt động khai thác dầu khí: Các rủi ro về hoạt động khai thác từ via, đến thiết bị phải được phân tích và đánh giá.
- b) Về điều hành – triển khai:
- (i) Đối với trường hợp dự án thành phần để thực hiện hoạt động chuẩn bị phát triển hoặc phát triển mỏ dầu khí:
 - + Trường hợp Nhà đầu tư là Người điều hành: phải có phương án tự triển khai và huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự) khả thi;
 - + Trường hợp tham gia vào tổ hợp điều hành chung hoặc không điều hành: trong trường hợp Người điều hành không phải là các công ty dầu khí đa quốc gia có uy tín trên thế giới cần phải có đánh giá năng lực của Người điều hành. Người điều hành phải có kinh nghiệm tại 1-2 dự án tương tự;
 - + Có phương án triển khai khả thi, trong đó xác định rõ khối lượng công việc, tiến độ thực hiện và khả năng huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự);
 - + Công nghệ khả thi và đã được chứng minh, trang thiết bị sử dụng đáp ứng được yêu cầu phát triển – khai thác/tận thu hoặc có phương án sửa chữa, đầu tư mới;
 - + Thiết bị thi công (giàn khoan, chế tạo thiết bị khai thác, đặc biệt là các hạng mục thiết bị có thời gian chế tạo dài và các dịch vụ đi kèm): có khả năng huy động phù hợp với khối lượng công việc và tiến độ triển khai.
 - (ii) Đối với trường hợp dự án thành phần để thực hiện hoạt động khai thác dầu khí:
 - + Trường hợp Nhà đầu tư là Người điều hành: phải có phương án tự triển khai và huy động các nguồn lực (vốn, công nghệ, nhân sự) khả thi;
 - + Trường hợp tham gia vào tổ hợp điều hành chung hoặc không điều hành: trong trường hợp Người điều hành không phải là các công ty dầu khí đa quốc gia có uy tín trên thế giới cần phải có đánh giá năng lực của Người điều hành. Người điều hành phải có kinh nghiệm triển khai thành công ở dự án và triển khai thành công ít nhất 01 dự án tương tự;

- + Có giải pháp thi công và quản lý dự án khả thi, nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án.

c) Về pháp lý hợp đồng

- (i) Có đủ cơ sở pháp lý để triển khai hoạt động dầu khí.
- (ii) Trách nhiệm và nghĩa vụ các bên được xác định rõ ràng.
- (iii) Các vấn đề còn tồn đọng/chưa rõ ràng: phải có đề xuất phương án giải quyết tiếp theo.
- (iv) Có thỏa thuận khung bán khí hoặc thông nhất về nguyên tắc bán khí, giá khí đối với dự án khí có khí bán (Mục 2 của Phụ lục đính kèm).

d) Về kinh tế:

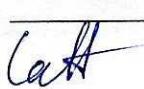
- (i) Đối với trường hợp dự án thành phần để thực hiện Hoạt động chuẩn bị phát triển hoặc phát triển mỏ dầu khí:
 - + Tính hợp lý của chi phí: phải có cơ sở / tham khảo lập dự toán chi phí trên cơ sở thông tin thiết kế tổng thể (FEED). Trong trường hợp đặc biệt không đủ thông tin theo yêu cầu trên, cần có số liệu tương tự và phân tích, biện luận về cơ sở lập dự toán;
 - + Cấp độ chi tiết của dự toán: đơn giá của các hạng mục đầu tư / chi phí phù hợp với phương án triển khai;
 - + Chứng minh/biện luận được về thị trường và giá tiêu thụ sản phẩm dầu/khí.
- (ii) Đối với trường hợp dự án thành phần để thực hiện Hoạt động khai thác dầu khí:
 - + Tính hợp lý của chi phí: phải có cơ sở/tham khảo lập dự toán chi phí; có thông tin của 1-2 dự án tương tự, số liệu không quá 5 năm tính đến thời điểm tham khảo. Trong trường hợp đặc biệt không đủ thông tin theo yêu cầu trên, cần có cơ sở số liệu tương tự và phân tích, biện luận về cơ sở lập dự toán có tham khảo chi phí quá khứ của dự án đã được kiểm toán;
 - + Cấp độ chi tiết của dự toán: đơn giá của các hạng mục đầu tư / chi phí phù hợp với phương án triển khai.

e) Về Phương án tài chính: có nguồn vốn phù hợp để thực hiện dự án.

Điều 7. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế

Các chỉ tiêu để xem xét và quyết định tham gia đối với các Dự án Dầu khí:

1. Dự án Tìm kiếm thăm dò dầu khí: Không đánh giá hiệu quả kinh tế các dự án chỉ có hoạt động thăm dò dầu khí. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò có hoạt động thẩm lượng dầu khí, xem xét và quyết định tham gia dự án dựa trên chỉ tiêu Giá trị hiện tại thuần kỳ vọng tại Tỷ suất doanh lợi tối thiểu (EMV@IRRmin).



2. Dự án Thăm dò dầu khí bổ sung: Không đánh giá hiệu quả kinh tế các dự án chỉ có hoạt động thăm dò dầu khí bổ sung. Đối với các dự án tìm kiếm thăm dò bổ sung có hoạt động thẩm lượng dầu khí, xem xét và quyết định tham gia dự án dựa trên chỉ tiêu Giá trị hiện tại thuần kỳ vọng tại Tỷ suất doanh lợi tối thiểu ($EMV@IRR_{min}$).
3. Dự án Phát triển mỏ dầu khí: Đánh giá hiệu quả kinh tế dự án phát triển mỏ dầu khí, xem xét và quyết định tham gia dự án dựa trên chỉ tiêu Giá trị hiện tại thuần tại Tỷ suất doanh lợi tối thiểu ($NPV@IRR_{min}$).
4. Dự án Dầu khí là tập hợp nhiều dự án thành phần: Đánh giá hiệu quả kinh tế của Dự án nhiều thành phần, xem xét và quyết định tham gia dự án dựa trên Tổng $NPV@IRR_{min}$ của thành phần Dự án PTMDK và $EMV@IRR_{min}$ của thành phần Dự án TKTDDK có hoạt động thẩm lượng/ Dự án TDDKBS có hoạt động thẩm lượng.

Điều 8. Rủi ro trong hoạt động dầu khí

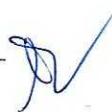
Hệ số rủi ro cho hoạt động dầu khí (Re) được tính toán theo giai đoạn của các Dự án Dầu khí như sau (Mục 3 và 4 của Phụ lục đính kèm):

1. Dự án Dầu khí ở trong nước
 - a) Rủi ro trong hoạt động thăm dò tại khu vực nước sâu có điều kiện khó khăn: 2,0%.
 - b) Rủi ro trong hoạt động thăm dò tại khu vực nước nông hoặc có điều kiện tương đối thuận lợi: 1,5%.
 - c) Rủi ro trong hoạt động thẩm lượng: 1,0%.
 - d) Rủi ro trong hoạt động phát triển mỏ: 0,5%.
2. Dự án Dầu khí ở nước ngoài
 - a) Rủi ro trong hoạt động thăm dò tại khu vực nước sâu có điều kiện khó khăn: 4,0%.
 - b) Rủi ro trong hoạt động thăm dò tại khu vực nước nông hoặc có điều kiện tương đối thuận lợi: 3,0%.
 - c) Rủi ro trong hoạt động thẩm lượng: 2,0%.
 - d) Rủi ro trong hoạt động phát triển mỏ: 1,0%.

Điều 9. Tiêu chí xem xét quyết định tham gia Dự án Dầu khí

Các Dự án Dầu khí thỏa mãn các điều kiện về mặt kỹ thuật như nêu tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này được xem xét quyết định tham gia khi đáp ứng các tiêu chí về mặt kinh tế như sau:

1. Các Dự án TKTDDK chưa có hoạt động thẩm lượng: không tính hiệu quả kinh tế.
2. Các Dự án TKTDDK có hoạt động thẩm lượng/Dự án TDDKBS có hoạt động thẩm lượng: $EMV@IRR_{min}$ trong trường hợp “look forward” lớn hơn hoặc bằng 0.



[Handwritten signature]



3. Đối với các Dự án PTMDK: NPV@IRRmin tính toán trong trường hợp “look forward” lớn hơn hoặc bằng 0.

Điều 10. Dự án Dầu khí có điều kiện đặc biệt

1. Dự án Dầu khí được cấp có thẩm quyền xếp vào dự án có điều kiện đặc biệt về chính trị, an ninh quốc gia không bắt buộc phải thỏa mãn các tiêu chí được quy định tại Điều 9 của Quy định này. Việc thẩm định Dự án Dầu khí này căn cứ trên nội dung về phương án triển khai cụ thể, khái lượng công việc phù hợp với mục tiêu dự án và dự toán chi phí được lập.
2. Đối với các Dự án Dầu khí có điều kiện đặc biệt khác (bao gồm nhưng không giới hạn điều kiện địa chất dầu khí phức tạp, điều kiện thực địa triển khai hoạt động dầu khí có những khó khăn rất đặc thù), Hội đồng Thành viên PVN sẽ xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện và Điều khoản thi hành

1. Tổ chức thực hiện:

- a) Ban Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí của PVN có trách nhiệm:
 - (i) Thông báo, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định, đảm bảo mục đích của việc ban hành Quy định;
 - (ii) Chủ trì xử lý các công việc/vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Quy định, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ khác có liên quan.
- b) Các Ban chuyên môn của PVN có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công tác đánh giá, thẩm định và quyết định tham gia Dự án dầu khí.
- c) Người đại diện phần vốn của PVN tại các Công ty có vốn góp của PVN, Tổng Giám đốc VSP, Giám đốc Chi nhánh/Tổng giám đốc Công ty điều hành dầu khí của PVN thực hiện quản lý Dự án dầu khí của đơn vị, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và Quy định này.
- d) Việc lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo sử dụng vốn và Báo cáo Dự án Dầu khí đầu tư ra nước ngoài tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PVN.

2. Hiệu lực thi hành:

- a) Quy định này có hiệu lực từ ngày Hội đồng Thành viên PVN ký quyết định ban hành.
- b) Mọi sửa đổi, bổ sung Quy định này do Hội đồng Thành viên PVN xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc PVN.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8.1/QĐ-DKVN ngày 15/08/2024
của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

1. Dự báo giá dầu thô sử dụng trong đánh giá hiệu quả kinh tế được quy định như sau:

- Loại dầu dùng để tham chiếu (Dầu Tham chiếu): là các loại dầu chuẩn như dầu Brent, WTI, Dubai. Tùy thuộc vào vị trí địa lý, tính chất dầu cụ thể của từng dự án để lựa chọn loại Dầu Tham chiếu phù hợp.
- Giá dầu cụ thể áp dụng trong đánh giá dự án sẽ được điều chỉnh trên cơ sở quan hệ trong 3 năm gần nhất giữa giá Dầu Tham chiếu và loại dầu của dự án đang xem xét.
- Dự báo giá Dầu Tham chiếu trong một dự án được xác định theo nguyên tắc thống nhất như sau:
 - + Nguồn dự báo: Sử dụng bộ giá dự báo cập nhật nhất của hãng dự báo mà PVN mua quyền sử dụng thông tin, kết quả dự báo như Wood Mackenzie (WM) và/hoặc hãng dự báo khác.
 - + Loại giá dự báo: Lựa chọn sử dụng Giá thực (Real price) hoặc Giá Danh nghĩa (Nominal price).

2. Dự báo giá khí sử dụng trong đánh giá hiệu quả kinh tế dự án dầu khí được quy định như sau:

- Đối với Dự án chưa có Thỏa thuận mua bán khí được ký tại thời điểm đánh giá, giá khí dự báo tại đầu giếng được giả định trên cơ sở hiệu quả kinh tế của nhà đầu tư đạt ở mức IRR_{min} theo quy định của Tập đoàn. Đồng thời, đơn vị lập Báo cáo có biện luận, so sánh với giá khí đang bán tại các lô dầu khí lân cận và/hoặc giá của các nguồn khí cạnh tranh khác.
- Đối với Dự án đã ký Thỏa thuận mua bán khí, giá khí dự báo được tính toán theo công thức giá khí quy định trong Thỏa thuận mua bán khí.

3. Chỉ số R_o được quy định như sau:

- Việt Nam: $R_o = 0\%$
- Khu vực Đông Nam Á, Nam Á, Úc: $R_o = 1\%$
- Các nước SNG, châu Phi (trừ các nước đang bị cấm vận), châu Mỹ (trừ Venezuela), Trung Đông (trừ Iran, Iraq): $R_o = 2\%$
- Venezuela, Iraq: $R_o = 3\%$
- Khu vực khác: R_o được Tổng giám đốc xem xét quyết định theo trường hợp cụ thể

4. Chỉ tiêu kinh tế:

- Tỷ suất doanh lợi tối thiểu (IRR_{min})

[Lưu ý]



$$IRR_{min} = WACC + R_e + R_o$$

$$WACC = W_d * K_d * (1-T) + W_e * K_e$$

Trong đó:

WACC – Chi phí vốn trung bình của dự án

R_e – Hệ số rủi ro về hoạt động đầu tư được quy định tại Điều 8, Qui định này.

R_o – Hệ số rủi ro về môi trường đầu tư được quy định tại Phụ lục này

W_d – Tỷ trọng vốn vay trên tổng vốn đầu tư của dự án

K_d – Chi phí vốn vay của dự án

T – Thuế thu nhập (giả định chi phí lãi vay được tính khấu trừ thuế thu nhập. Trường hợp lãi vay không được tính khấu trừ thuế thu nhập, T tính bằng 0)

W_e – Tỷ trọng vốn tự có trên tổng vốn đầu tư của dự án

K_e – Chi phí vốn tự có (giả định tính bằng 10%)

- Giá trị hiện tại thuần (NPV)

$$NPV = \sum_{n=1}^n \frac{C_n}{(1 + IRR_{min})^n}$$

Trong đó:

C_n – Dòng tiền Dự án tại năm thứ n

IRR_{min} – Tỷ suất doanh lợi tối thiểu của dự án (%)

- Giá trị hiện tại thuần kỳ vọng (EMV)

$$EMV = \sum_{i=1}^n NPV_i * P_i$$

Trong đó:

EMV – Giá trị hiện tại kỳ vọng của dự án chiết khấu ở mức IRR_{min}

NPV_i – Giá trị hiện tại thuần của dự án theo kịch bản “i” chiết khấu ở mức IRR_{min}

P_i – Tỷ lệ xác suất xảy ra đối với kịch bản “i”